TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Nga và ông Vương Thanh Chiến.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9- Hải Phòng.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 399/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/12/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị T, sinh năm 2002;

Số định danh cá nhân: 030302007095

Địa chỉ: TDP C, phường N, thành phố Hải Phòng

Người được chị T uỷ quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Chị Lê Thị Kiều N, sinh ngày 15/12/1996

Số định danh cá nhân: 035196000543

Địa chỉ: Số 201 T, phường Y, thành phố Hà Nội.

(Nội dung uỷ quyền ngày 09/12/2025)

Bị đơn: Anh Bùi Mạnh C, sinh năm 2001;

Số định danh cá nhân: 030201001940

HKTT: TDP B, phường T, thành phố Hải Phòng

Nơi ở hiện nay: Số 550, đường Z, khu G, thành phố Đ, Đài Loan, Trung Quốc.

Anh C uỷ quyền cho người nhận văn bản tố tụng của anh C là chị Phạm Lê Kim C1, sinh năm 2004

Số định danh cá nhân: 038304019442

Địa chỉ: Số 201 T, phường Y, thành phố Hà Nội

(Nội dung uỷ quyền ngày 29/10/2025)

Chị T, anh C đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn chị T và bị đơn anh C đều trình bày*:**

1. Về quan hệ hôn nhân, tình cảm:

Chị T và anh C được tự do tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 06/3/2023 tại UBND phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương (Nay là phường T, thành phố Hải Phòng), được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị ở chung với bố mẹ anh C tại KDC B, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương (Nay là TDP B, phường T, thành phố Hải Phòng). Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, cả hai không có tiếng nói chung, không hòa hợp về tính cách, nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 03/2023, anh C sang Đài Loan, Trung Quốc theo diện xuất khẩu lao động. Do khoảng cách địa lý nên mâu thuẫn vợ chồng không những không được hóa giải mà ngày càng tăng thêm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần tìm cách hàn gắn, vợ chồng cũng nói chuyện giải quyết nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng tăng thêm. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn thì anh C đồng ý.

Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Bùi Khánh A, sinh ngày 15/12/2020. Khi ly hôn, chị T và anh C đều đề nghị Tòa án giao cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C cấp dưỡng nuôi con số tiền là 4.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng

Tại phiên toà: Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị T có đơn xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn C có nơi cư trú tại TDP B, phường T, thành phố Hải Phòng, hiện đang lao động tại Trung Quốc nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng. Chị T và anh C đều vắng mặt tại phiên toà, có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/03/2023 tại UBND phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương (Nay là phường T, thành phố Hải Phòng) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai không có tiếng nói chung, không hòa hợp về tính cách, nên thường xuyên xảy ra cãi nhau và cả hai đều xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, đã ly thân và đồng thuận ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ công việc gia đình, khiến hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồng, xử cho chị T ly hôn anh C.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là Bùi Khánh A, sinh ngày 15/12/2020, hiện đang ở cùng chị T. Chị T và anh C đều thống nhất để chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung; về cấp dưỡng: Anh C cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 4.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, anh C được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở, là đảm bảo quyền lợi của con và thực tế phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị T và anh C đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị T ly hôn anh Bùi Mạnh C

2. Về quan hệ con chung: Chị T và anh C có 01 con chung;

Giao cho chị Tạ Thị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Bùi Khánh A, sinh ngày 15/12/2020, đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 4.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 01/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Chị Tạ Thị T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007724 ngày 09/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T còn phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9-Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường T, thành phố Hải Phòng (Lưu hộ tịch, GCNKH số 14);
- Lưu HS; VP;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Luyến